

Số: 06/QĐ - TTHTPTGDHNBC

Bình Chánh, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện thu – chi nguồn ngân sách, nguồn khác
Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023 của Trung tâm hỗ trợ phát triển
giáo dục hòa nhập Bình Chánh**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;
Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức
được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 hướng dẫn
thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách
nhà nước hỗ trợ.

Xét đề nghị của Phụ trách kế toán Trung tâm;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện thu - chi nguồn ngân sách nhà nước, nguồn
khác Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023 của Trung tâm (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phụ trách kế toán và các bộ phận liên quan, toàn thể CB-GV-NV của Trung tâm
thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (TH);
- Lưu :VT, ...



Thủ trưởng đơn vị

Đặng Thị Lệ Hằng

Biểu số 03
Ban hành kèm theo TT số 90/2018/TT-BTC ngày
28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO
DỤC HÒA NHẬP BÌNH CHÁNH
Chương : 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TỪ NGÀY 01/07/2023 ĐẾN NGÀY 31/12/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, cá tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỉ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỉ lệ %)
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.017.477.000	4.512.427.187	56%	146%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	8.017.477.000	4.512.427.187		146%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.817.000.000	4.904.918.429	102%	
	Nguồn 13	4.649.000.000	4.610.317.214	99%	81%
	Nguồn 14	168.000.000	294.601.215	175%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.200.477.000	-392.491.242	-12%	
	Nguồn 12	840.477.000	-1.513.992.814	-180%	81%
	Nguồn 14	2.360.000.000	1.121.501.572	48%	53%

Kế toán

Nguyễn Thị Thùy Linh

Tp.HCM ngày 11 tháng 01 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị



Đặng Thị Lệ Hằng

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TỪ NGÀY 01/07/2023 ĐẾN NGÀY 31/12/2023

A. Dự toán giao :	:	8.035.848.728	đồng
- Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	4.667.371.728	đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	18.371.728	đồng
+ Giao đầu năm	:	4.649.000.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương/kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	168.000.000	đồng
+ Giao đầu năm	:	168.000.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 12) :	:	840.477.000	đồng
+ Giao đầu năm	:	840.477.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương chi NQ03/2018/NQ08/2023/không thường xuyên (nguồn 14) :	:	2.360.000.000	đồng
+ Giao đầu năm	:	2.360.000.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		đồng
B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN từ ngày 01/07 đến 31/12 năm 2023 :	:	4.512.427.187	đồng
I. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13) :	:	4.610.317.214	đồng
Lương theo ngạch, bậc	:	1.460.968.458	đồng
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	:	266.000.000	đồng
Phụ cấp chức vụ	:	42.912.003	đồng
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	:	218.229.491	đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	:	1.029.701.353	đồng
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	:	147.063.000	đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề	:	22.449.889	đồng
Phụ cấp khác	:	16.384.800	đồng
Chi khác	:	21.000.060	đồng
Bảo hiểm xã hội	:	395.013.255	đồng
Bảo hiểm y tế	:	67.716.557	đồng
Kinh phí công đoàn	:	44.879.681	đồng
Bảo hiểm thất nghiệp	:	22.836.876	đồng
Tiền điện	:	70.606.160	đồng
Tiền nước	:	56.286.165	đồng
Tiền vệ sinh, môi trường	:	6.540.000	đồng
Văn phòng phẩm	:	36.871.720	đồng
Vật tư văn phòng khác	:	14.584.400	đồng
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện	:	244.682	đồng
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường	:	12.539.083	đồng
Tuyên truyền; quảng cáo	:	1.744.000	đồng
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông: sách, báo, tạp chí thư viện	:	3.184.000	đồng
Khoản công tác phí	:	28.420.000	đồng
Thuê lao động trong nước	:	395.225.600	đồng
Các thiết bị công nghệ thông tin	:	7.857.000	đồng
Tài sản và thiết bị văn phòng	:	12.861.480	đồng
Chi mua hàng hóa, vật tư	:	2.150.000	đồng
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	:	31.111.500	đồng
Chi khác	:	163.936.001	đồng
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	:	11.000.000	đồng
II. Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương (nguồn 14) :	:	1.416.102.787	đồng
- Chi thu nhập tăng thêm theo NQ03/2018/NQ-HĐND+NQ08/2023/NQ-HĐND :	:	1.121.501.572	đồng
- Chi chênh lệch do tăng mức lương cơ bản theo quy định :	:	294.601.215	đồng



III. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12)

	:	-1.513.992.814 đồng
Lương theo ngạch, bậc	:	-673.858.460 đồng
Phụ cấp chức vụ	:	-20.115.002 đồng
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	:	-153.261.530 đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	:	-465.171.592 đồng
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	:	-66.156.000 đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	:	108.653.412 đồng
Phụ cấp khác	:	-7.330.800 đồng
Bảo hiểm xã hội	:	-158.629.035 đồng
Bảo hiểm y tế	:	-27.193.549 đồng
Kinh phí công đoàn	:	-17.864.342 đồng
Bảo hiểm thất nghiệp	:	-9.329.210 đồng
Chi khác	:	5.400.000 đồng
Tiền điện	:	-34.024.305 đồng
Tiền nước	:	-31.928.325 đồng
Tiền vệ sinh, môi trường	:	-3.300.000 đồng
Văn phòng phẩm	:	-12.340.151 đồng
Vật tư văn phòng khác	:	-900.000 đồng
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện	:	-112.682 đồng
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường	:	-8.579.083 đồng
Tuyên truyền; quảng cáo	:	-880.000 đồng
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông: sách, báo, tạp chí thư viện	:	-1.496.000 đồng
Khoản công tác phí	:	-13.740.000 đồng
Thuê lao động trong nước	:	-305.865.600 đồng
Nhà cửa	:	489.113.920 đồng
Các thiết bị công nghệ thông tin	:	-7.857.000 đồng
Tài sản và thiết bị văn phòng	:	-9.351.480 đồng
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	:	-6.000.000 đồng
Chi khác	:	-70.876.000 đồng
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	:	-11.000.000 đồng

Đánh giá :

- Tổng chi NSNN từ 01/07/2023 đến 31/12/2023 là : 4.512.427.187 đồng, đạt 56% dự toán năm và 146% so với cùng kỳ năm trước .

- Kinh phí thực hiện tự chủ/thường xuyên (nguồn 13) từ 01/07/2023 đến 31/12/2023 là : 4.904.918.429 đồng, đạt 99% dự toán năm và 81% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :

+ Do tăng hệ số lương

- Kinh phí thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 14) từ 01/07/2023 đến 31/12/2023 là : 1.121.501.572 đồng, đạt 48% dự toán năm và 53% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :

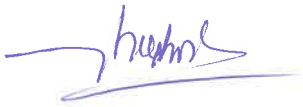
+ Do tăng hệ số lương tăng lao động làm chi thu nhập tăng thêm theo NQ 03/2018/NQ-HĐND+NQ08/2023/NQ-HĐND .

- Kinh phí thực hiện tự chủ/thường xuyên (nguồn 14) từ 01/07/2023 đến 31/12/2023 là : 294.601.215 đồng, đạt 175% dự toán năm và 0% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :

+ Do tăng mức lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng từ tháng 07/2023

- Kinh phí không thực hiện tự chủ / không thường xuyên (nguồn 12) từ 01/07/2023 đến 31/12/2023 là : -1.513.992.814 đồng, đạt -180% dự toán so với dự toán năm .

Kế toán



Nguyễn Thị Thùy Linh

Tp.HCM, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đặng Thị Lệ Hằng

